

Số: 20/NQ-HĐND

Lâm Hợp, ngày 11 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ LÂM HỢP
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện khóa XX, kỳ họp thứ IV về dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho xã Lâm Hợp;

Sau khi xem xét Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của UBND xã về việc xem xét, quyết định dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022:

TT	Nội dung	Số tiền
I	Tổng thu ngân sách	7.345.895.000
	Xã hưởng	6.899.395.000
1.	Thu ngân sách trên địa bàn	900.000.000
	Trong đó xã hưởng	453.500.000
2.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.445.895.000
II	Tổng chi ngân sách	6.899.395.000
1.	Chi đầu tư phát triển	232.500.000
2.	Chi thường xuyên	6.493.049.000
3.	Dự phòng	173.846.000

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã đồng ý với các biện pháp tổ chức thực hiện thu ngân sách, điều hành chi ngân sách năm 2022 như Ủy ban nhân dân xã đã trình, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Tập trung đồng bộ, hiệu quả, quyết liệt các giải pháp nhằm hoàn thành và vượt kế hoạch của huyện và Hội đồng nhân dân xã giao. Tăng cường chỉ đạo, triển khai các biện pháp, giải pháp thu ngân sách Nhà nước đảm bảo tiến độ, kế hoạch và cơ cấu thu. Thực hiện đồng bộ biện pháp thu nợ đọng thuế, hạn chế tối đa nợ mới phát sinh. Quan tâm công tác tuyên truyền, thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân, tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ nộp thuế và thực hiện chính sách thuế.

2. Điều hành, quản lý, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi chặt chẽ, đúng tiêu chuẩn định mức. Tập trung tiết kiệm chi thường xuyên; đảm bảo nguyên tắc, quy định chi hội nghị, hội thảo, khánh tiết, học tập kinh nghiệm, mua sắm trang thiết bị, v.v... Tăng cường công tác quản lý chi đầu tư phát triển, đầu tư công, đảm bảo sự hài hòa trên các lĩnh vực, lựa chọn đầu tư các công trình cấp bách, thiết yếu, không để xảy ra tình trạng nợ đọng khối lượng xây dựng cơ bản.

Tăng cường kiểm soát nguồn chi tại các xã; rà soát thực chất tình hình nợ đọng các thôn. Các nguồn thu ngân sách xã ưu tiên trả nợ, chi thường xuyên và kiên quyết không khởi công các công trình mới khi còn nợ đọng xây dựng cơ bản lớn hoặc nợ kéo dài.

3. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực đầu tư công gắn với kế hoạch đầu tư công trung hạn. Tập trung chỉ đạo xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi và đôn đốc các nhà đầu tư triển khai các dự án đảm bảo tiến độ. Kiểm soát chặt chẽ tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản theo Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Bố trí vốn tập trung, tránh dàn trải, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung phát sinh, điều chỉnh, Ủy ban nhân dân xã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Lâm Hợp khóa I, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022./

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND huyện (b/c);
- TT.ĐU, HĐND, UBND, UB.MTTQ xã;
- Đại biểu HĐND xã khóa I;
- Các ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp xã;
- VP.HĐND-UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP UBND./
- Gửi VB điện tử, VB giấy.

CHỦ TỊCH



Đào Kim Soa

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ-HĐND ngày 11/01/2022 của Hội đồng nhân dân xã Lâm Hợp)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Được thực hiện năm 2021			Dự toán năm 2022			So sánh %	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	NSNN	Thu NSX	NSNN	Thu NSX
		1	2	3	4	5= 3/1	6= 4/2		
	Tổng số thu	22.325.277	22.133.416	7.345.895	6.899.395	32,90	31,17		
	Thu ngân sách trên địa bàn	471.907	280.046	900.000	453.500	190,72	161,94		
I.	Các khoản thu 100%	99.534	95.405	80.000	80.000	80,37	83,85		
	- Phí, lệ phí	37.970	36.650	30.000	30.000	79,01	81,86		
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	27.832	27.832	30.000	30.000	107,79	107,79		
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	0	0	0	0	0	0		
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	23.764	22.500	10.000	10.000	42,08	44,44		
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	0	0	0	0	0	0		
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định	0	0	0	0	0	0		
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	0	0	0	0	0	0		
	- Thu khác	9.967	8.423	10.000	10.000	100,33	327,90		
II.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	372.374	184.641	820.000	373.500	220,21	202,28		
1.	Các khoản thu phân chia	81.745	75.745	25.000	24.000	30,58	31,69		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.071	3.071	0	0	0	0		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	0	0	0	0	0	0		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	26.450	20.450	20.000	20.000	75,61	97,80		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	52.224	52.224	5.000	4.000	9,57	7,66		
2.	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	290.629	108.897	795.000	349.500	273,54	320,95		
	Thuế GTGT	182.608	101.039	219.000	113.800	119,93	112,63		
	Thuế TNDN	237	47	1.000	200	422,42			
	Cấp quyền sử dụng đất	9.523	4.761	465.000	232.500	4.883,12	4.883,43		
	Thuế thu nhập cá nhân	88.095		100.000		113,51			
	Tiền thuế đất	10.166	3.050	10.000	3.000	98,37	98,37		
III.	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								



TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022	So sánh %
IV.	Thu chuyển nguồn	5.539.402	5.539.402		
V.	Thu kết dư ngân sách năm trước	43.151	43.151		
VI.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	16.270.817	16.270.817	6.445.895	39,62
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.832.372	5.832.372	6.445.895	110,52
	- Bổ sung có mục tiêu	10.438.445	10.438.445		0,00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ LÂM HỢP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ-HĐND ngày 11/01/2022 của Hội đồng nhân dân xã Lâm Hợp)

Đơn vị: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán năm 2021			Dự toán năm 2022			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8= 5/2	9=6/3	10= 7/4
Tổng số chi	19.314.331	10.495.878	8.818.453	6.899.395	232.500	6.666.895	35,72	2,22	75,6016
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	340.270	0	340.270	529.521	0	529.521	155,62		155,618
- Chi dân quân tự vệ	259.226		259.226	362.241		362.241	139,74		139,74
- Chi trật tự an toàn xã hội	81.044		81.044	167.280		167.280	206,41		206,406
2. Chi giáo dục	9.106.645	9.070.033	36.612	132.500	132.500	0	0,00		0
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0	0		0	0,00		
4. Chi y tế	110.880		110.880	72.368		72.368	65,27		65,267
5. Chi văn hóa, thông tin	73.460		73.460	90.000		90.000	122,52		122,52
6. Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	100.000		100.000	0,00		0
7. Chi thể dục, thể thao	17.310		17.310	80.000		80.000	462,16		462,161
8. Chi bảo vệ môi trường	128.062		128.062	50.000		50.000	39,04		39,0434
9. Chi các hoạt động kinh tế	2.088.131	1.183.379	904.752	809.750	100.000	709.750	38,78	0,00	78,447
- Giao thông	1.325.618	1.183.379	142.239	659.750	100.000	559.750	49,77	0,00	393,528
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	762.513		762.513	150.000		150.000	0,00		0
- Thị chính	0			0			0,00		0
- Thương mại, du lịch	0			0			0,00		0
- Các hoạt động kinh tế khác	0			0			0,00		0
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.921.260	242.466	6.678.794	4.512.446	0	4.512.446	65,20	0,00	67,5638
<i>Trong đó: Quỹ lương</i>	0			0			0,00		0
10.1. Quản lý Nhà nước	5.176.085	242.466	4.933.619	2.800.396	0	2.800.396	54,10	0,00	56,7615
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	730.844		730.844	754.646		754.646	103,26		103,257
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	187.114		187.114	200.767		200.767	107,30		107,297



Nội dung	Dự toán năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)			
	Tổng số	ĐTPT	TX	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	191.829		191.829	180.943	180.943	94,33		94,3252
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	208.535		208.535	153.396	153.396	73,56		73,5586
10.6. Hội Cựu chiến binh	165.882		165.882	214.924	214.924	129,56		129,564
10.7. Hội Nông dân	167.565		167.565	147.906	147.906	88,27		88,2679
10.8. Chi cho các tổ chức xã hội	93.406		93.406	59.469	59.469	0,00		0
11. Chi cho công tác xã hội	528.314	0	528.314	284.352	284.352	53,82	0	53,8226
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	225.712		225.712	225.712	225.712	100,00		100
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	0			0		0,00		0
- Trợ cấp xã hội	216.227		216.227	8.640	8.640	4,00		3,9958
- Khác	86.375		86.375	50.000	50.000	57,89		57,8871
12. Chi khác	0		0	64.611	64.611			
13. Dự phòng	0		0	173.846	173.846			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

